MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Sau cổ phần hóa cơ chế, chính sách tài chính, kế toán của các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông có nhiều điểm khác biệt so với các mô hình trước đây như quan hệ về sở hữu, quan hệ đầu tư tài chính, trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, giám sát chặt chẽ, công khai minh bạch thông tin của các doanh nghiệp thực sự cần thiết cho hoạt động quản lý cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Đặc biệt đối với các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông (XDCTGT) thuộc Bộ Giao thông Vận tải là những tổ chức kinh tế có đặc điểm, đặc trưng riêng biệt, phức tạp…Tuy nhiên, tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị này còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ. Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài "***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận tải"*** làm luận án tiến sĩ kinh tế.

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài.

2.1 Các công trình nghiên cứu trên thế giới

Nghiên cứu của Christine Windbichler (2010) tác giả đã đề cập đến các quy định của Liên minh Châu Âu về tổ chức hoạt động trong các tập đoàn kinh tế, các tổ chức kinh doanh; Nghiên cứu của Colpan A. M. and Hikino T.(2010) tác giả đã nghiên cứu cơ sở hình thành các Tập đoàn kinh tế trên quan điểm truyền thống và hiện đại; Nghiên cứu của Malcolm J.Morgan đã nêu lên các nghiên cứu về Kế toán quản trị trong môi trường sản xuất hiện đại.

2.2 Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam

2.2.1 Các công trình nghiên cứu về tổ chức bộ máy kế toán tại doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ của tác giả Đoàn Xuân Tiên đã nghiên cứu lý luận cơ bản về mô hình công ty mẹ - công ty con và tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp theo mô hình này; Luận án Tiến sĩ kinh tế của Nguyễn Tuấn Anh đã hệ thống hoá và phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về Tập đoàn kinh tế và tổ chức công tác kế toán trong các Tập đoàn kinh tế; Luận án Tiến sĩ kinh tế của Nguyễn Thu Hương đã mô tả rất rõ nét về quá trình hình thành

và phát triển của các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con tại Việt Nam và trên thế giới.

2.2.2 Các công trình nghiên cứu về tổ chức thông tin kế toán.

Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Hoàng Văn Ninh đã thống hóa cơ sở lý luận chung và phân tích về tổ chức hệ thống thông tin kế toán phục vụ công tác quản lý dựa trên các quy định hiện hành của Quốc tế và Việt Nam; Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Hoàng Thị Phương Lan đã xác định nội dung tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị kế toán bao gồm tổ chức bộ máy kế toán phù hợp và khoa học; tổ chức thu nhận thông tin thông qua hệ thống chứng từ và ghi chép ban đầu; Luận án Tiến sĩ kinh tế của Phạm Thị Tuyết Minh đã nghiên cứu, phân tích rõ những nhân tố ảnh hưởng của đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất và quy trình sản xuất, lắp ráp ô tô tới tổ chức công tác kế toán quản trị trong các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty công nghiệp ô tô Việt Nam.

2.2.3 Các công trình nghiên cứu về tổ chức kiểm tra kế toán

Luận án Tiến sĩ kinh tế của Ngô Văn Hậu, Luận án Tiến sĩ kinh tế của Ngô Thị Thu Hương, Luận án Tiến sĩ kinh tế của Phạm Thị Minh Tuệ đã bàn về tổ chức công tác kiểm tra kế toán với các nội dung khác nhau.

2.2.4 Các công trình nghiên cứu về tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán.

Luận án Tiến sĩ kinh tế của Thái Bá Công, Luận án Tiến sĩ kinh tế của Nguyễn Đăng Huy đã nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin ở các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm, doanh nghiệp nhập khẩu,…

2.3 Kết luận rút ra từ các công trình nghiên cứu.

Qua quá trình nghiên cứu các công trình đã công bố trên thế giới và ở Việt Nam liên quan đến mô hình công ty mẹ - công ty con và tổ chức công tác kế toán, tác giả rút ra một số kết luận sau:

* Trên thế giới không có quy định chính thức về tổ chức bộ máy kế toán chung cho các doanh nghiệp. Tùy thuộc vào quy mô của từng Tập đoàn, yêu cầu về tổ chức thông tin tài chính theo lĩnh vực, bộ phận, khu vực địa lý mà có tổ chức bộ máy kế toán phù hợp. Lập

Báo cáo tài chính hợp nhất rất phức tạp nên bộ máy kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo này được các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm.

* Ở Việt Nam các công trình nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán đã có nhiều thành công đáng kể, tuy nhiên các công trình công bố chưa đi sâu nghiên cứu các vấn đề sau:

- Nội dung nghiên cứu: Khi nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán các đề tài đều tập trung khai thác trên các nội dung: Tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức tài khoản kế toán, tổ chức hệ thống sổ kế toán, tổ chức lập các báo cáo.

- Đối tượng nghiên cứu: Các công trình công bố tập trung vào kỹ thuật xử lý nghiệp vụ, chưa nhìn nhận chính xác ưu, nhược điểm về tổ chức công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán. Tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông hiện nay chưa có công trình nghiên cứu nào đi sâu tìm hiểu.

- Phương pháp nghiên cứu: Các nghiên cứu chủ yếu dựa vào suy luận, chưa tập trung vào điều tra khảo sát. Một số nghiên cứu đã có kết quả điều tra khảo sát nhưng câu hỏi khảo sát còn sơ sài, đối tượng khảo sát không tập trung vào các nhà quản lý cấp cao về mức độ hài lòng do kế toán cung cấp thông tin.

3. Mục tiêu nghiên cứu của luận án

- *Về mặt lý luận*: Hệ thống hóa và làm sáng tỏ lý luận về tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con dưới góc độ kế toán tài chính (KTTC) và một số nội dung của kế toán quản trị (KTQT).

- *Về mặt thực tiễn*: Nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán trên phương diện KTTC và một số nội dung của KTQT tại các Tổng Công ty XDCTGT thuộc Bộ Giao thông Vận tải, tác giả cũng tham khảo về tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp của một số quốc gia có trình độ phát triển trên thế giới và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất giải pháp để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận về tổ chức công tác kế toán theo mô hình công ty mẹ - công ty con và

thực tiễn về tổ chức công tác kế toán theo mô hình này trên phương diện KTTC và một số nội dung của KTQT, trong đó lấy các Tổng Công ty XDCTGT hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con làm minh họa.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian nghiên cứu: Nghiên cứu tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT thuộc Bộ Giao thông Vận tải bao gồm 06 TCT đều là các Tổng công ty có lĩnh vực sản xuất kinh doanh là xây dựng và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con (Tổng Công ty XDCTGT 1, Tổng Công ty XDCTGT 4, Tổng Công ty XDCTGT 5, Tổng Công ty XDCTGT 6, Tổng Công ty XDCTGT 8 và Tổng công ty xây dựng Thăng Long).

- Về thời gian nghiên cứu: Khảo sát, nghiên cứu tình hình về tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT thuộc Bộ Giao thông Vận tải từ năm 2014 trở lại đây.

- Về nội dung nghiên cứu: Luận án nghiên cứu tổ chức công tác kế toán dưới góc độ KTTC và một số nội dung của KTQT trong các Tổng công ty XDCTGT hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, nghiên cứu lý luận kết hợp với điều tra, khảo sát thực tế. Các vấn đề lý luận được dựa trên những khái niệm, nguyên lý, phương pháp đã được thừa nhận và áp dụng tại Việt Nam cũng như trên thế giới. Trong quá trình thực hiện luận án, tác giả sử dụng phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp thông tin là cơ sở đưa ra các nhận định, đánh giá thực trạng tổ chức công tác KTQT, KTTC của các đơn vị thành viên, chi nhánh thuộc các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông, đồng thời đề ra các giải pháp phù hợp. Tác giả Luận án sử dụng phương pháp định tính trong nghiên cứu các vấn đề thực tiễn.

6. Những vấn đề đặt ra cho nghiên cứu

Nhằm thực hiện mục tiêu nghiên cứu, luận án tập trung vào phân tích và giải quyết các vấn đề sau:

- Đặc điểm hoạt động xây dựng ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây dựng như thế nào?

- Nội dung tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con là gì?

- Phân tích kinh nghiệm thực hiện tổ chức công tác kế toán tại một số nước phát triển trên thế giới (Mỹ, Nhật Bản, Pháp) từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam như thế nào?

- Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con là gì?

- Những đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ; đặc điểm tổ chức quản lý của các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông là gì?

- Thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các Tổng công ty XDCTGT? Những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế trong thực trạng tại các doanh nghiệp này là gì?

- Các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các Tổng công ty XDCTGT bao gồm nội dung nào? Điều kiện để thực hiện các giải pháp đó ra sao?

7. Những đóng góp của luận án

- *Về mặt lý luận*: Luận án đã trình bày một cách khái quát, hệ thống và nâng cao những lý luận chung về tổ chức công tác KTTC và KTQT trong doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

- *Về mặt thực tiễn*:

+ Nghiên cứu chỉ rõ các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác KTTC và KTQT tại các Tổng Công ty XDCTGT.

+ Khảo sát thực tế về tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT. Phản ánh và đánh giá thực trạng của việc tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT, từ đó tìm ra các ưu điểm và hạn chế của việc tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT.

+ Từ những hạn chế trong tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT kết hợp với nghiên cứu định hướng phát triển của các Tổng Công ty XDCTGT, từ đó làm cơ sở cho những giải pháp hoàn thiện.

- Về tính ứng dụng trong thực tiễn: Luận án đã đề xuất được những giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc

điểm tổ chức quản lí, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của các Tổng Công ty XDCTGT.

8. Kết cấu luận án

Chương 1: Lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và kinh nghiệm các nước.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận Tải.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận Tải.

Chương 1
LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON VÀ KINH NGHIỆM CÁC NƯỚC

1.1. Đặc điểm doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con chi phối đến tổ chức công tác kế toán.

1.1.1. Các quan điểm về mô hình công ty mẹ - công ty con

Theo diễn giải của chuẩn mực kế toán quốc tế IAS, công ty mẹ (Parent Company) là một thực thể pháp lý có ít nhất một đơn vị trực thuộc - công ty con (Subsidiary). Công ty con là thực thể pháp lý bị kiểm soát bởi công ty mẹ. Kiểm soát ở đây được hiểu là: (1) sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp nhiều hơn 50% số phiếu bầu; hoặc (2) sở hữu 50% số phiếu bầu hoặc ít hơn nhưng nắm quyền đối với hơn 50% số phiếu bầu theo sự thỏa thuận với các cổ đông khác; hoặc nắm quyền lãnh đạo, điều hành liên quan đến các chính sách tài chính hay sản xuất kinh doanh của công ty và được quy định tại điều lệ, theo sự thỏa thuận hay hợp đồng.

Trong luận án này, "công ty mẹ - công ty con" được hiểu là một tổ hợp công ty, trong đó: Công ty mẹ, công ty con được thành lập

và đăng ký theo quy định của pháp luật; công ty mẹ là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, đồng thời đủ mạnh để kiểm soát và chi phối các công ty con trong tổ hợp và được các công ty con chấp nhận sự kiểm soát, chi phối đó. Công ty con là những doanh nghiệp trong tổ hợp được một công ty mẹ chi phối, kiểm soát và tự nguyện chấp nhận sự chi phối, kiểm soát của công ty mẹ theo những nguyên tắc và phương thức nhất định.

1.1.2. Các quan điểm về tổ chức công tác kế toán

Theo quan điểm cho rằng: *Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp phải giải quyết được cả hai phương diện: Tổ chức thực hiện các phương pháp kế toán, các nguyên tắc kế toán, các phương pháp, phương tiện tính toán nhằm đạt được mục đích của công tác kế toán và tổ chức bộ máy kế toán nhằm liên kết các nhân viên kế toán thực hiện tốt công tác kế toán của doanh nghiệp* [Lưu Đức Tuyên và Ngô Thị Thu Hồng, 2011].

Quan điểm cho rằng: "*Tổ chức công tác kế toán là những mối quan hệ có yếu tố cấu thành bản chất của hạch toán kế toán, chứng từ kế toán, đối ứng tài khoản, tính giá và tổng hợp – cân đối kế toán*" [Nguyễn Thị Đông, 2009].

Các quan điểm nêu trên có cách tiếp cận và luận giải khác nhau về tổ chức công tác kế toán, trong đó tác giả đồng thuận với quan điểm của [Lưu Đức Tuyên và Ngô Thị Thu Hồng, 2011] về tổ chức công tác kế toán: *Tổ chức công tác kế toán là tổ chức khoa học, hợp lý các bộ phận kế toán đồng thời phải đạt được hai mục tiêu trọng tâm đó là tổ chức bộ máy kế toán nhằm giúp các nhân viên kế toán phối hợp, thực hiện tốt công việc của mình tại đơn vị và dựa trên cơ sở kết hợp khoa học giữa những nguyên lý chung và đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh riêng để tổ chức vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán nhằm cung cấp các thông tin kinh tế tài chính phục vụ cho công tác quản lí kinh tế tại đơn vị*.

1.1.3. Đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý của doanh nghiệp xây lắp ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán.

*** Đặc điểm tổ chức hoạt động thi công xây lắp:** Xây lắp là ngành sản xuất mang tính công nghiệp, góp phần tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế. Hoạt động sản xuất xây dựng bao gồm: xây mới, mở rộng, khôi phục, cải tạo lại, hay hiện đại hóa các công

trình thuộc mọi lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân (như công trình giao thông, thủy lợi, các khu công nghiệp, các công trình quốc phòng,...

*** Đặc điểm của sản phẩm xây lắp:** Sản phẩm xây lắp là những công trình xây dựng, vật kiến trúc…có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, mỗi sản phẩm có quy trình tổ chức sản xuất, phát sinh chi phí…khác nhau.

*** Đặc điểm về chi phí và phân loại chi phí xây lắp:** Chi phí sản xuất xây lắp thường phát sinh với khối lượng lớn, nguyên vật liệu sử dụng cho xây lắp đa dạng về chủng loại (sắt, thép, xi măng, gạch, đá,cát sỏi…), mẫu mã, khác nhau về chất lượng.

***Đặc điểm về cơ chế khoán trong nội bộ doanh nghiệp xây lắp:** Các doanh nghiệp xây lắp hiện nay thường áp dụng phương thức quản lý giao khoán sản phẩm xây lắp cho các xí nghiệp, tổ, đội thi công. Vì vậy doanh nghiệp phải quan tâm đến khối lượng, chất lượng và tiến độ thi công công trình hơn.

*** Đặc điểm về cơ chế thanh toán chi phí xây lắp với chủ đầu tư:** Tùy theo đặc điểm của từng công trình xây lắp mà hợp đồng xây dựng giữa doanh nghiệp xây lắp và chủ đầu tư có thể quy định về cách thức thanh toán cho phí xây lắp được thực hiện bằng một trong hai cách.

1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

Tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố sau:

1.2.1 Các yếu tố bên trong: Đặc thù tổ chức quản lý, trình độ của đội ngũ kế toán, yêu cầu và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin.

1.2.2. Các yếu tố bên ngoài: Đặc thù môi trường kinh doanh, môi trường pháp lý về kế toán, sự phát triển các dịch vụ kế toán, kiểm toán trong hiện tại và tương lai.

1.3. Nguyên tắc, nội dung tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

1.3.1. Nguyên tắc tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

Các nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con phải mang tính hệ thống, khoa học, hợp lý, đó là: Phù hợp yêu cầu hội nhập kinh tế, hội nhập quốc tế về kế toán; Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp xây lắp phải tuân thủ và phù hợp với quy định của Luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ và hệ thống văn bản pháp quy về kế toán do Nhà nước ban hành; Tổ chức công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), phù hợp với trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên kế toán của đơn vị; Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo thống nhất giữa kế toán và quản lý, cung cấp kịp thời, trung thực và đầy đủ các thông tin về hoạt động SXKD phục vụ yêu cầu quản lý; Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, thiết thực và có hiệu quả.

1.3.2. Nội dung của tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

Hiện nay có rất nhiều quan điểm khác nhau về tổ chức công tác kế toán, từ các quan điểm này các nhà khoa học xây dựng nội dung tổ chức công tác kế toán trên các giác độ khác nhau.

Tuy có những quan điểm khác nhau về nội dung tổ chức công tác kế toán nhưng nhìn chung các quan điểm này đều có đặc điểm đó là tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp bao gồm tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, hệ thống báo cáo kế toán và tổ chức bộ máy kế toán. Theo tác giả, nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp phải giải quyết được trên cả hai phương diện đó là tổ chức thực hiện các phương pháp, nguyên tắc kế toán, phương tiện tính toán nhằm đạt được mục đích của kế toán và tổ chức bộ máy kế toán để liên kết các nhân viên kế toán thực hiện tốt công tác kế toán trong doanh nghiệp. Vậy nên trong luận án, nội dung tổ chức công tác kế toán được trình bày theo quy trình kế toán.

Nội dung của tổ chức công tác kế toán bao gồm: Tổ chức bộ máy kế toán; Tổ chức thông tin kế toán: Bao gồm việc tổ chức thu thập, xử lý, cung cấp và phân tích thông tin kế toán; Tổ chức kiểm tra kế toán bao gồm kiểm tra trong nội bộ đơn vị và thực hiện kiểm tra kế toán các công ty con; Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán.

1.3.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

Việc tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, nội dung công tác kế toán trong đơn vị do bộ máy kế toán đảm nhận. Vì vậy, việc tổ chức cơ cấu kế toán sao cho hợp lý, gọn nhẹ nhưng vẫn hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời, trung thực và đầy đủ, hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin, đồng thời phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ, hiệu quả lao động của nhân viên kế toán. Nội dung tổ chức bộ máy kế toán bao gồm: (1) Lựa chọn mô hình tổ chức bộ máy kế toán, (2) Tổ chức công tác kế toán tài chính và kế toán quản trị.

1.3.2.2. Tổ chức thông tin kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

(1) Tổ chức thu thập, hệ thống hóa, phân loại và xử lý thông tin kế toán trong doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

(1.1) Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán: Hệ thống chứng từ áp dụng cho công ty mẹ và từng công ty con nên được lựa chọn thống nhất, đồng thời quy định, hướng dẫn các bộ phận có liên quan ghi chép đúng, chính xác, đầy đủ các yếu tố trên chứng từ kế toán; (1.2) Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán: Tài khoản kế toán được mở cho từng đối tượng kế toán có nội dung kinh tế riêng biệt. Tập hợp các tài khoản kế toán, hệ thống tài khoản kế toán thống nhất là một bộ phận cấu thành quan trọng của kế toán gồm những quy định thống nhất về tài khoản, số lượng tài khoản, ký hiệu và nội dung ghi chép của từng tài khoản; (1.3) Tổ chức hệ thống sổ kế toán: Sổ kế toán là phương tiện để ghi chép, hệ thống hóa thông tin kế toán chi tiết tại các doanh nghiệp. Để quản lý có hiệu quả các hoạt động kinh tế - tài chính trong doanh nghiệp thì việc tổ chức tốt hệ thống sổ kế toán là điều kiện tiên quyết. Vì vậy người ta phải xây dựng kết cấu các mẫu sổ phù hợp với

trình tự và phương pháp hệ thống hóa thông tin kế toán cụ thể trong từng doanh nghiệp. Các nghiệp vụ kinh tế được ghi chép trên sổ kế toán theo nguyên tắc nhất định. Sổ kế toán bao gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. Sổ kế toán tổng hợp ghi theo các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, sổ kế toán chi tiết dùng để hệ thống hóa thông tin theo theo các chỉ tiêu kinh tế cụ thể.

(2) Tổ chức lập, phân tích nộp và công khai báo cáo kế toán

(2.1) Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính gồm: Báo cáo tài chính riêng; Báo cáo tài chính hợp nhất.

(2.2) Tổ chức hệ thống Báo cáo quản trị: Đối với báo cáo KTQT, công ty mẹ căn cứ vào yêu cầu cụ thể để lập theo mẫu biểu và theo thời điểm thích hợp nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin phục vụ quản trị nội bộ. Báo cáo KTQT có thể lập theo định kỳ hoặc thường xuyên. Nội dung thông tin và kết cấu mẫu biểu báo cáo KTQT rất đa dạng, gồm nhiều loại phù hợp với yêu cầu quản lý nội bộ từng bộ phận trong đơn vị.

(2.3) Tổ chức phân tích Báo cáo tài chính (BCTC): Sau khi lập BCTC, đặc biệt là BCTC hợp nhất nhiệm vụ quan trọng của kế toán là tổ chức phân tích các báo cáo này nhằm cung cấp thông tin hữu ích phục vụ công tác quản trị toàn bộ tổ hợp công ty mẹ - công ty con

(2.4) Tổ chức nộp và công khai BCTC: BCTC của các đơn vị thành viên, BCTC riêng của công ty mẹ và BCTC hợp nhất năm, BCTC hợp nhất giữa niên độ phải nộp cho chủ sở hữu và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và được công khai theo quy định trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Công ty con và công ty mẹ là đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán phải nộp BCTC và BCTC hợp nhất, công khai theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

1.3.2.3. Tổ chức kiểm tra kế toán

Nội dung cụ thể của kiểm tra kế toán bao gồm: Kiểm tra việc tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán; Kiểm tra việc thực hiện nội dung công tác kế toán; Kiểm tra việc tổ chức quản lý và hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán; Kiểm tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về kế toán.

Mục tiêu của việc kiểm tra nhằm đảm bảo thực hiện đúng chế độ, chính sách quản lý tài chính của nhà nước và những quy định cụ thể của ngành, của tập đoàn.

1.3.2.4. Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán ở các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

Hệ thống thông tin kế toán hiện đại phải là hệ thống thông tin có sử dụng công nghệ thông tin. Dưới quyền chủ động tổ chức của con người (cán bộ kế toán) áp dụng nghiệp vụ chuyên môn kế toán, sử dụng hệ thống máy vi tính và các phần mềm kế toán thực hiện các chức năng thu nhận, xử lý, lưu trữ và kết xuất, truyền đạt các thông tin kinh tế tài chính tạo thành một hệ thống thông tin kế toán.

1.4. Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

1.4.1. Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con ở một số nước trên thế giới

Qua nghiên cứu và khảo sát thực tế ở các nước tiên tiến phát triển, tác giả thấy Việt Nam có thể học tập kinh nghiệm các nước như Nhật Bản, Mỹ, Pháp

1.4.1.1. Tổ chức công tác kế toán trong các tập đoàn kinh tế ở Nhật Bản

1.4.1.2. Tổ chức công tác kế toán trong các tập đoàn ở Mỹ

1.4.1.3. Tổ chức công tác kế toán trong các tập đoàn kinh tế ở Pháp

1.4.2. Bài học kinh nghiệm về tổ chức công tác kế toán cho Việt Nam: *Thứ nhất,* tổ chức công tác kế toán trong các Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty nói riêng thường bao gồm các nội dung về tổ chức tài khoản kế toán, sổ kế toán và báo cáo kế toán tổng hợp; *Thứ hai*, trên thế giới không có nước nào quy định chính thức về nội dung và hình thức tổ chức bộ máy kế toán; *Thứ ba,* phải đảm bảo kết hợp hài hòa với các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý cụ thể theo yêu cầu quản lý của mỗi loại hình doanh nghiệp và mỗi đơn vị thành viên; *Thứ tư,* tại một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty tại Việt Nam việc ban hành hệ thống chế độ kế

toán áp dụng chung cho toàn Tập đoàn, Tổng công ty sẽ tạo sự thống nhất giữa các khâu trong công tác kế toán, thuận lợi cho việc cung cấp thông tin và phân tích thông tin tài chính; *Thứ năm*, công nghệ thông tin là phương tiện hữu hiệu để kế toán được thực hiện khoa học và hiệu quả bởi vậy các doanh nghiệp cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xử lý số liệu và công tác kế toán.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1, Luận án đã phân tích, hệ thống hóa và làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Cụ thể, luận án đã đưa ra quan điểm về mô hình công ty mẹ - công ty con, quan điểm về tổ chức công tác kế toán, các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; nguyên tắc tổ chức công tác kế toán và nội dung tổ chức công tác kế toán theo hướng tiếp cận hệ thống thông tin. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, một loại hình tổ chức doanh nghiệp mới phát triển ở Việt Nam.

Chương 2
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG THUỘC BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

2.1. Tổng quan, đặc điểm tổ chức quản lý và những yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT.

2.1.1. Tổng quan về các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

Tính đến thời điểm hiện nay Bộ Giao thông Vận tải có 23 Tổng công ty đều đã cổ phần hóa hoàn toàn. Tuy các Tổng Công ty hoạt động thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng số lượng các Tổng công ty chuyên về xây dựng công trình giao thông không nhiều, như đã trình bày trong phần giới hạn, phạm vi nghiên cứu luận án chỉ nghiên cứu thực trạng tại các Tổng công ty XDCTGT có quy mô lớn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con đó là: Tổng Công ty XDCTGT 1, Tổng Công ty XDCTGT 4, Tổng Công ty XDCTGT 5, Tổng Công ty XDCTGT 6, Tổng Công ty XDCTGT 8 và Tổng Công ty xây dựng Thăng Long.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động và tổ chức quản lý tại các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận tải

Trong xu thế phát triển chung của xã hội, nhằm tận dụng lợi thế kinh doanh và đa dạng hóa sản phẩm, các Tổng Công ty XDCTGT ngoài lĩnh vực kinh doanh chính là xây dựng các công trình giao thông còn đang dần mở rộng hoạt động kinh doanh sang nhiều lĩnh vực khác như: đầu tư bất động sản, xuất nhập khẩu, sản xuất vật liệu, phân bón, kinh doanh vận tải, du lịch, … Các hoạt động kinh doanh chính của các Tổng Công ty XDCTGT thường bao gồm: Xây dựng các công trình giao thông; Xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng và công trình công nghiệp; Khai thác chế biến vật liệu xây dựng, sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn…

2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

2.1.3.1. Các yếu tố bên trong: Đặc thù về tổ chức quản lý; Đặc trưng của sản phẩm XDCTGT ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung tổ chức công tác KTTC và KTQT; Về trình độ của đội ngũ kế toán; Về trình độ ứng dụng công nghệ thông tin.

2.1.3.2. Các yếu tố bên ngoài: Đặc thù về môi trường kinh doanh; Môi trường pháp lý về kế toán; Xu thế phát triển của các Tổng Công ty XDCTGT.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

2.2.1. Thực trạng tổ chức bộ máy kế toán trong các Tổng Công ty* xây *dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

Do đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, cơ chế tài chính và mức độ liên kết giữa Tổng Công ty XDCTGT và các đơn vị thành viên mà tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị này chủ yếu dựa trên hình thức tổ chức công tác kế toán vừa tập trung, vừa phân tán.

2.2.2. Thực trạng tổ chức thông tin kế toán tại các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

2.2.2.1. Thực trạng tổ chức thu thập, xử lý thông tin kế toán tại các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

(1) Thực trạng tổ chức hệ thống chứng từ kế toán: Tổ chức hạch toán ban đầu; Tổ chức luân chuyển chứng từ kế toán; Tổ chức bảo quản, lưu trữ và hủy chứng từ kế toán.

(2) Thực trạng tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán: Về các tài khoản phản ánh các giao dịch nội bộ: đơn vị khảo sát không mở tài khoản chi tiết của các tài khoản phản ánh công nợ, TSCĐ, HTK, doanh thu, chi phí để theo dõi các giao dịch nội bộ, do các đơn vị này sử dụng phần mềm kế toán và khi có giao dịch nội bộ phát sinh sẽ được chi tiết hóa theo công việc.

(3) Thực trạng tổ chức vận dụng sổ kế toán.

2.2.2.2. Thực trạng tổ chức lập, phân tích, nộp và công khai báo cáo kế toán

(1) Về tổ chức lập BCTC: (1.1) Xác định phạm vi lập BCTC, phòng kế toán Tổng Công ty lập BCTC tổng hợp của Tổng Công ty và chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Sau đó BCTC tổng hợp của Tổng Công ty và chi nhánh hạch toán phụ thuộc sẽ hợp nhất với BCTC của các đơn vị thành viên; (1.2) Tổ chức lập BCTC riêng vào thời điểm cuối niên độ kế toán và giữa niên độ; (1.3) Tổ chức lập BCTC hợp nhất của Tổng Công ty XDCTGT tiến hành lập BCTC hợp nhất căn cứ vào BCTC riêng của công ty mẹ, các đơn vị thành viên. (1.4)Tổ chức lập Báo cáo kế toán quản trị: đối với công tác lập Báo cáo KTQT, các Tổng Công ty XDCTGT và công ty con chưa chú trọng nhiều đến việc lập Báo cáo KTQT của đơn vị mình

(2) Tổ chức phân tích BCTC hợp nhất: Công tác chuẩn bị phân tích: Tại các Tổng Công ty XDCTGT được khảo sát, công tác chuẩn bị phân tích BCTC được thực hiện qua việc các đơn vị lựa chọn thời điểm phân tích, nhân sự thực hiện phân tích, sử dụng nguồn số liệu để phân tích; Tiến hành phân tích: Đánh giá khái quát kết quả kinh doanh thông qua việc tiến hành phân tích khái quát báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Kết thúc phân tích: các Tổng Công ty XDCTGT cho thấy, hầu hết công việc phân tích BCTC hợp nhất được thực hiện trên Báo cáo thường niên, mà không tổ chức lập báo cáo phân tích riêng.

(3) Tổ chức nộp và công khai BCTC: Hiện nay các Tổng công ty XDCTGT thực hiện nộp và công khai BCTC theo định kỳ quý, năm, đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2.2.3. Thực trạng về tổ chức kiểm tra kế toán

Công tác kiểm tra kế toán được thực hiện trên các nội dung chủ yếu sau: Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ kế toán, việc ghi chép phản ánh trên tài khoản, sổ kế toán và BCTC đảm bảo thực hiện đúng chế độ, chính sách kế toán hiện hành; Kiểm tra trách nhiệm, kết quả công tác của bộ máy kế toán, mối quan hệ giữa kế toán và các bộ phận khác trong đơn vị; Kiểm tra, kiểm soát chất lượng và độ tin cậy của các thông tin kinh tế tài chính cung cấp qua các BCTC và các báo cáo kế toán khác; Xây dựng báo cáo về kết quả

kiểm tra, tình hình xử lý các vi phạm đã được phát hiện trong các năm hoặc các lần kiểm tra trước.

2.2.4. Thực trạng tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Máy tính là công cụ hỗ trợ đắc lực cho công việc tại các bộ phận khác nhau và cho bộ phận kế toán nói riêng trong các doanh nghiệp hiện nay. Với thời đại công nghệ thông tin phát triển nhanh chóng, 100% chi nhánh, đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty XDCTGT thực hiện tin học hóa vào công tác kế toán. Nhìn chung, việc xử lý nghiệp vụ và hệ thống hóa thông tin kế toán trên phần mềm kế toán đều được thực hiện theo một quy trình chung như sau: Xử lý thông tin đầu vào đối với các giao dịch bên ngoài; Xử lý thông tin đầu vào đối với các giao dịch trong nội bộ; Kết xuất các thông tin đầu ra.

2.3. Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

2.3.1. Những ưu điểm

- Các Tổng Công ty XDCTGT hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con đã tuân thủ tương đối tốt các nguyên tắc, chế độ và các chuẩn mực kế toán đã và đang được thừa nhận tại Việt Nam trong quá trình tổ chức công tác kế toán của mình. Quá trình tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị tương đối nề nếp do đó đã phát huy được vai trò của kế toán trong quản lý, tạo điều kiện cho công tác kiểm tra, giám sát được thuận lợi.

- Về cơ bản, các Tổng Công ty XDCTGT đã vận dụng chế độ kế toán phù hợp bao gồm hệ thống chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ sách kế toán, cách thức ghi chép, phương pháp hạch toán phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD, đặc điểm và yêu cầu quản lý của Tổng Công ty XDCTGT cũng như từng đơn vị thành viên.

- Công ty mẹ, các công ty con và các đơn vị hạch toán độc lập cũng đã chấp hành tương đối tốt chế độ BCTC áp dụng cho các doanh nghiệp.

- Đại bộ phận các đơn vị đều đã quan tâm đúng mức tới việc đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho bộ phận kế toán. Đây cũng là một nhân tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kế toán,

tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp số liệu nhanh chóng, kịp thời và chính xác đáp ứng các yêu cầu quản lý. Đội ngũ những người làm kế toán trong các Tổng Công ty XDCTGT thường xuyên được bồi dưỡng trình độ chuyên môn, có trình độ vững vàng, có tính kỷ luật cao.

2.3.2. Những hạn chế

Tuy đã đạt được những thành công lớn về mặt thống nhất các chính sách kế toán toàn Tổng Công ty, đảm bảo thông tin của các công ty niêm yết được kiểm toán và công khai đúng thời hạn, tuy nhiên tổ chưc công tác kế toán trong các Tổng Công ty XDCTGT còn có một số hạn chế sau:

Thứ nhất, những hạn chế trong tổ chức bộ máy kế toán

- *Về việc xây dựng quy trình, thủ tục kiểm soát nội bộ trong bộ phận kế toán:* Một số đơn vị thành viên, chi nhánh thuộc Tổng Công ty XDCTGT trước cổ phần hóa có thực hiện phân quyền trong công tác kế toán và quy định công việc của từng phần hành kế toán bằng văn bản. Sau cổ phần để quản lý hiệu quả tại một số đơn vị không thực hiện phân quyền mà phân bố công việc đồng đều cho nhân viên kế toán, các nhân viên phải theo dõi toàn bộ quy trình những phần hành kế toán thuộc các dự án, công trình cụ thể.

- *Về việc áp dụng quy trình công việc trong bộ phận kế toán:* Đối với các đơn vị đã xây dựng quy trình công việc, việc thực hiện đúng quy trình công việc theo mô tả vẫn chưa được sát sao, dẫn đến còn bỏ các bước hướng dẫn trong quy trình và có thể sai sót về hạch toán trong công tác kế toán, các lỗi sai còn chưa được chính bộ phận kiểm soát của phòng kế toán phát hiện mà chỉ phát hiện được nhờ bộ phận khác hoặc nhờ người quản lý cấp cao.

- *Về bộ máy kế toán quản trị và phân tích thông tin tài chính:* Hiện nay 100% các đơn vị thành viên, chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty XDCTGT đều tổ chức bộ máy KTQT kết hợp với bộ máy KTTC. Tuy nhiên sự phân công công việc trong bộ máy kế toán còn chưa có sự rõ ràng giữa KTTC và KTQT nên việc cung cấp thông tin còn hạn chế. Phần lớn bộ máy kế toán cung cấp thông tin vẫn tập trung vào KTTC. Các cán bộ kế toán xử lý số liệu từ nguồn thông tin ban đầu vừa tổng hợp nên BCTC vừa sử dụng để tổng hợp lên các báo cáo KTQT.

Thứ hai, những hạn chế trong tổ chức thông tin kế toán

(1) Tổ chức thu thập, xử lí thông tin

(1.1) Tổ chức chứng từ kế toán: Việc ghi chép các yếu tố, chỉ tiêu trên chứng từ: chưa đầy đủ, kịp thời, còn nhiều hiện tượng nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh chưa được ghi chính xác, ghi chung chung và còn ghi tắt; Chính sách và thủ tục phê duyệt chứng từ chỉ được ban hành cho một số nghiệp vụ quan trọng.

(1.2) Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán: Tại các đơn vị thuộc Tổng Công ty XDCTGT, việc vận dụng tài khoản kế toán vào ghi nhận một số nghiệp vụ kế toán chưa phù hợp; Hệ thống tài khoản được sử dụng tại các đơn vị hiện nay vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu hệ thống hóa thông tin để lập BCTC hợp nhất như chưa chi tiết hóa các tài khoản phải thu phải trả để theo dõi các khoản phải thu phải trả nội bộ.

(1.3) Tổ chức vận dụng hình thức kế toán, sổ kế toán

Thông tin thu nhận phục vụ lập BCTC hợp nhất được cung cấp không đầy đủ và kịp thời, đôi khi chưa phù hợp.

(2) Tổ chức lập, phân tích, nộp và công khai báo cáo kế toán.

(2.1) Trong khâu tổ chức lập BCTC: Hạn chế trong tổ chức lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tại các Tổng Công ty XDCTGT; Hạn chế trong tổ chức lập BCTC hợp nhất: Về lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất: Về điều chỉnh các giao dịch nội bộ: đối với khoản doanh thu, giá vốn nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện; Về kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh khi lập BCTC hợp nhất; Về lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất: Do tổ chức sổ kế toán chi tiết về dòng tiền chưa khoa học nên việc loại trừ các dòng tiền khi hợp nhất báo cáo lưu chuyển tiền tệ chưa đầy đủ, bên cạnh đó việc tổ chức lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ của riêng từng doanh nghiệp chưa tốt.

(2.2) Trong khâu tổ chức lập Báo cáo quản trị: Báo cáo quản trị tại các Tổng công ty XDCTGT chưa được quan tâm chú trọng, chưa đi sâu vào quản trị cho từng phần hành kế toán.

(2.3) Tổ chức nộp và công khai BCTC hợp nhất: Thời gian hoàn thành và nộp BCTC hợp nhất chưa được thực hiện đúng theo quy định của nhà nước. Đó là do việc hoàn thành và nộp BCTC riêng đã được kiểm toán cũng như các thông tin liên quan phục vụ lập

BCTC hợp nhất còn chậm so với quy định làm ảnh hưởng đến thời hạn lập và công khai BCTC hợp nhất.

(2.4) Về tổ chức phân tích BCTC: Nguồn số liệu sử dụng để phân tích chủ yếu dựa vào số liệu lấy từ BCTC nên nhiều chỉ tiêu cần thiết phục vụ quản trị doanh nghiệp chưa được đề cập đến.

Thứ ba về tổ chức kiểm tra kế toán

Công tác kiểm tra kế toán thực hiện chưa thường xuyên tại các đơn vị khảo sát, việc thực hiện kiểm tra thường chỉ giao cho một hoặc một số người khiến công tác kiểm tra kế toán chưa được thực hiện toàn diện, đôi khi chỉ mang tính hình thức và còn nhiều sai sót trong các khâu kế toán.

Thứ tư về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Qua khảo sát cho thấy việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa triệt để và hiệu quả, chưa có sự đồng nhất giữa các đơn vị thành viên và Tổng Công ty.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

** Nguyên nhân khách quan:* Việc ban hành các cơ chế, chính sách, chế độ, chuẩn mực... cho các doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con còn chậm, thiếu đồng bộ và chưa thực sự phù hợp*;* Do nhu cầu sử dụng thông tin trong BCTC hợp nhất của các Tổng công ty còn thấp.

** Nguyên nhân chủ quan:* Các doanh nghiệp chưa nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của công tác kế toán khoa học; Về mặt kinh nghiệm thực tế còn chưa nhiều.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương này, Luận án đã khảo sát và đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT. Nội dung tổ chức công tác kế toán được tác giả đi sâu và làm rõ: tổ chức bộ máy, công việc kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT và tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại các Tổng công ty XDCTGT. Các nội dung này tác giả tiếp cận từ các Tổng Công ty XDCTGT dựa trên những minh chứng bằng tài liệu thực tế thu thập được tại đơn vị. Từ đó tác giả phân tích, chỉ rõ những ưu điểm và hạn chế về tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT, trên cơ sở đó đã đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán của các Tổng Công ty XDCTGT này.

Chương 3
HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG THUỘC BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

3.1. Định hướng phát triển ngành Giao thông Vận tải và các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông trong thời gian tới.

3.1.1.Định hướng phát triển ngành Giao thông Vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

3.1.2 Định hướng phát triển của các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông trong thời gian từ 2020 đến 2030

Với sự phát triển và ngày càng hoàn thiện của hệ thống Luật doanh nghiệp, Luật kế toán, hệ thống văn bản pháp quy thì sự phát triển của các Tổng Công ty XDCTGT là phù hợp với sự phát triển tất yếu của xã hội. Phát huy thế mạnh của mình trong việc xây dựng các công trình giao thông, các Tổng Công ty có triển vọng ngày càng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Không những thế, hoạt động xây dựng các công trình giao thông có thể giúp các Tổng Công ty nắm bắt được cơ hội đầu tư vào các dự án mới ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau.

3.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận tải: 3.2.1. Phải đảm bảo phù hợp với đặc thù về quản lý kinh tế tài chính và tuân thủ quy định trong các văn bản pháp lý về kế toán hiện hành; 3.2.2. Phải phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của các Tổng công ty XDCTGT; 3.2.3. Phải đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin kinh tế, tài chính phục vụ công tác quản lý kinh tế; 3.2.4 Phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và khả thi.

3.3. Các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán tại các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông.

Tại các Tổng Công ty XDCTGT ngoài nhiệm vụ lập BCTC riêng còn thực hiện lập BCTC hợp nhất của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên. Ban Tài chính – Kế toán Tổng Công ty nên phân công

tổ công tác lập BCTC hợp nhất riêng biệt để thực hiện công việc một cách chuyên môn hóa.

3.3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức thông tin kế toán tại các Tổng công ty xây dựng công trình giao thông

3.3.2.1. Giải pháp thứ nhất, hoàn thiện tổ chức thu thập, xử lí thông tin

(1) Hoàn thiện tổ chức hệ thống chứng từ kế toán: Xây dựng và thiết kế hệ thống chứng từ áp dụng tại các Tổng công ty; Quy định về lập chứng từ kế toán; Kiểm tra và luân chuyển chứng từ kế toán.

(2) Hoàn thiện tổ chức hệ thống tài khoản kế toán: Hệ thống tài khoản kế toán phải được xây dựng phù hợp đặc điểm kinh doanh của Tổng công ty cũng như từng đơn vị thành viên, đảm bảo đầy đủ tài khoản kế toán tổng hợp, tài khoản kế toán chi tiết phục vụ cho công tác KTTC và KTQT.

(3) Hoàn thiện tổ chức hệ thống sổ kế toán

Để thực hiện tốt công tác lập BCTC riêng, các Tổng Công ty XDCTGT cần qui định trên sổ kế toán chi tiết mở cho từng đối tượng kế toán, tùy thuộc vào từng đối tượng kế toán cụ thể mà bổ sung thêm cột theo dõi thông tin về thời gian để phục vụ cung cấp thông tin cho việc lập BCTC riêng của từng doanh nghiệp. Ví dụ như các sổ kế toán theo dõi về thanh toán phải thu, phải trả, các khoản vay nợ, chi phí sản xuất dở dang, chi phí trả trước…

3.3.2.2. Giải pháp thứ hai, hoàn thiện tổ chức lập, phân tích, nộp và công khai báo cáo kế toán

(1) Hoàn thiện tổ chức lập các báo cáo: *Hoàn thiện tổ chức lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng:* Để hoàn thiện Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng kế toán tại đơn vị phải nhận dạng được các dòng tiềm ẩn để phản ánh đầy đủ các dòng trên báo cáo; *Hoàn thiện tổ chức lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:* Hoàn thiện tổ chức lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Hoàn thiện tổ chức lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất; *Hoàn thiện Báo cáo quản trị:* Để tăng cường công tác quản lý, hiện nay các nhà quản trị đặc biệt quan tâm đến quản trị các yếu tố đầu ra trong đó có Báo cáo KTQT được lập theo yêu cầu của các cấp quản trị trong doanh nghiệp.

(2) Hoàn thiện về tổ chức phân tích BCTC: Phân tích BCTC có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp các thông tin về thực trạng tài chính, hoạt động SXKD của các Tổng Công ty XDCTGT hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con cho các đối tượng quan tâm.

(3) Hoàn thiện việc nộp và công khai BCTC: Các đơn vị cần có những quy định chặt chẽ hơn nữa về thời gian lập và nộp BCTCHN.

3.3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kiểm tra kế toán

Với mỗi nội dung cần có phương pháp kiểm tra phù hợp và sự đối chiếu giữa thực tế với tài liệu liên quan. Trong khi kiểm tra, cần kịp thời uốn nắn những sai sót mà cán bộ kế toán mắc phải và có hướng dẫn cụ thể để thực hiện đúng từng phần hành kế toán.

3.3.4. Giải pháp hoàn thiện tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Xây dựng phần mềm kế toán theo toàn bộ các đặc thù chung nhất của tất cả các công ty trong toàn mô hình công ty mẹ - công ty con sau đó cài đặt phần mềm kế toán trên cho tất cả các công ty thành viên với cơ sở dữ liệu riêng cho từng công ty thành viên.

3.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp.

3.4.1.* Về *phía Nhà nước: Ổn định chính sách tài khóa, tiền tệ, xây dựng kế hoạch trợ giúp phát triển loại hình doanh nghiệp xây lắp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con trong từng thời kỳ; Các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế trên phạm vi toàn quốc, từng vùng, miền cần được thống nhất theo quy chuẩn của Nhà nước.

3.4.2.* Về *phía các Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông: Tại các Tổng công ty XDCTGT nên rà soát lại các văn bản pháp quy đã ban hành, đồng thời lập kế hoạch chi tiết, cụ thể xây dựng những văn bản pháp quy mới cho phù hợp với tình hình phát triển hiện tại cũng như trong tương lai.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 của Luận án đã đề xuất các giải pháp có tính đồng bộ nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các Tổng Công ty này hiện đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Các nội dung hoàn thiện vừa mang tính khái quát, vừa mang tính cụ thể

bao gồm nội dung hoàn thiện chính sách trên lĩnh vực vĩ mô của Nhà nước và nội dung tổ chức công tác kế toán trong phạm vi các Tổng công ty XDCTGT hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Để tăng tính khả thi cho các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT, Luận án đã kiến nghị điều kiện thực hiện giải pháp. Trong đó có những điều kiện về phía Nhà nước, hội nghề nghiệp, có những điều kiện về phía các Tổng Công ty XDCTGT.

KẾT LUẬN

Luận án "***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các Tổng Công ty XDCTGT thuộc Bộ Giao thông Vận tải*** " đã nghiên cứu và đạt được những kết quả sau:

- Phân tích, hệ thống hóa và làm rõ thêm khái niệm về mô hình công ty mẹ - công ty con và tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Đặc biệt là các yếu tố ảnh hưởng, nguyên tắc và nội dung tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

- Nghiên cứu, khảo sát và đánh giá khách quan thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các Tổng công ty XDCTGT thuộc Bộ Giao thông Vận tải theo từng nội dung của tổ chức công tác kế toán. Trên cơ sở đó luận án đưa ra những phân tích, đánh giá về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế làm cơ sở thực tiễn đề xuất giải pháp hoàn thiện.

- Trên cơ sở phân tích về lý luận và từ thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các Tổng công ty XDCTGT thuộc Bộ Giao thông Vận tải, luận án đã đề xuất các giải pháp có tính đồng bộ nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp này như hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán, hoàn thiện thu thập, xử lý thông tin, hoàn thiện việc lập, phân tích, nộp và công khai báo cáo kế toán, hoàn thiện kiểm tra kế toán và hoàn thiện ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán.